TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 109/2023/DS-ST
Ngày: 05-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 298/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Vân Phi H, sinh năm 1962 và bà Hồ Thị N, sinh năm 1984; cùng thường trú: số 28/14, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Đặng Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ liên hệ: số 10 đường E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh B và ông Kiều Gia T, sinh năm 1995; địa chỉ liên hệ: 3/74 khu phố Q, phường B, thành phố D, tỉnh B; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/6/2023). Bà H có mặt, ông P vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn V, sinh năm 1975, thường trú: số 12/15 (số cũ 39/17), đường Trần Thị Vững, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1974; địa chỉ: số 28/14A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07-6-2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp thống nhất trình bày:

Do quen biết nhau nên vào ngày 22/10/2022 ông V có hỏi vay ông H, bà N số tiền 220.000.000 đồng để mua vật tư, ông H, bà N đồng ý. Hai bên lập hợp đồng vay tiền tại nhà của bà N, ông H (mẫu hợp đồng có sẵn, sau đó do bà N điền thông tin theo thỏa thuận của hai bên). Tại thời điểm lập hợp đồng có mặt ông H, bà N, ông V, bà L, tuy nhiên chỉ có bà N ký bên cho vay và ông V ký bên vay tiền. Ông H có mặt nhưng do bà N đã ký tên nên ông H không ký vào hợp đồng. Bà L là người quen của cả bà N và ông V, được nhờ chứng kiến việc ký hợp đồng và giao tiền. Theo hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất mỗi tháng là 8.500.000 đồng/tháng, ngày trả lãi là ngày 22 hàng tháng, thời hạn vay là 03 năm từ ngày 22/10/2022 đến ngày 22/10/2025. Ông H, bà N đã giao ngay cho ông V số tiền 220.000.000 đồng vào ngày 22/10/2022, có bà L chứng kiến. Từ ngày vay tiền của ông H, bà N đến nay ông V không thanh toán bất cứ khoản tiền gốc hoặc lãi nào. Do ông V vi phạm thỏa thuận nên nguyên đơn nhiều lần gặp ông V yêu cầu chấm dứt hợp đồng vay trước thời hạn và yêu cầu ông V hoàn trả toàn bộ số tiền đã vay là 220.000.000 đồng nhưng ông V hứa hết lần này đến lần khác không trả lại. Nguyên đơn đã gửi thông báo bằng văn bản cho bị đơn về việc chấm dứt hợp đồng trước hạn và yêu cầu bị đơn trả lại tiền vay, tuy nhiên bị đơn không có ý kiến gì. Nguyên đơn đã cung cấp một số nội dung tin nhắn zalo giữ ông H với ông V vào các ngày 28/4/2023, 22/5/2023, 23/5/2023, 24/5/2023, 26/5/2023 về nội dung này. Ông H, bà N xác định cho ông V vay số tiền 220.000.000 đồng, không liên quan đến ai khác. Bà L chỉ là người làm chứng vụ việc.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay là 220.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Trần Văn V: Ông V đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập yêu cầu đến Tòa án để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng trong suốt quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Ngày 22/10/2022 bà có chứng kiến vợ cH ông Vân Phi H và bà Hồ Thị N giao cho ông Trần Văn V một số tiền. Bà được biết số tiền này là tiền ông V vay của ông H, bà N để làm ăn. Sau đó hai bên còn ký kết Hợp đồng vay tiền với nhau. Đến nay ông V có trả lại số tiền vay cho vợ cH ông H, bà N chưa thì bà không biết.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp L để tham gia phiên tòa vào ngày 28/8/2023, 05/9/2023 nhưng đều vắng mặt, người làm chứng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa vào các ngày 28/8/2023, 05/9/2023 nhưng ông V vắng mặt không rõ lý do. Người làm chứng Nguyễn Thị Mỹ L có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng theo quy định của Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Vân Phi H và bà Hồ Thị N khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn V trả số tiền vay là 220.000.000 đồng. Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là bản chính Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/10/2022. Nội dung Giấy vay tiền thể hiện: bà Hồ Thị N và ông Vân Phi H (Bên A) cho ông Trần Văn V (Bên B) vay số tiền là 220.000.000 đồng. Thời hạn vay là 03 năm kể từ ngày 22/10/2022 đến 22/10/2025. Bên A giao toàn bộ số tiền cho bên B bằng tiền mặt vào ngày 22/10/2022. Bên B phải trả lãi cho bên A định kỳ vào ngày 22 tây hàng tháng, trả toàn bộ gốc chậm nhất ngày 01/01/2025 bằng hình thức tiền mặt. Các bên thỏa thuận lãi suất là 8.500.000 đồng/tháng. Tại Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/10/2022 có chữ ký bên cho vay là Hồ Thị N, bên vay là Trần Văn V, và chữ ký bà Nguyễn Thị Mỹ L. Nguyên đơn trình bày sau khi nhận tiền bị đơn không trả lãi như thỏa thuận, đồng thời nguyên đơn đã có văn bản thông báo cho bị đơn về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng vay trước hạn, yêu cầu bị đơn trả lại tiền tuy nhiên bị đơn không thực hiện, bị đơn đi đâu không rõ. Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bị đơn về việc thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ… nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do đồng thời không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện việc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trình bày của nguyên đơn cũng phù hợp với trình bày của người làm chứng Nguyễn Thị Mỹ L về việc có chứng kiến nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng vay tiền, giao nhận tiền. Căn cứ Điều 91, Điều 92 Bộ

luật Tố tụng dân sự, xác định việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền là có thật. Mặc dù lãi suất hai bên thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 22/10/2022 (8.500.000 đồng/tháng) vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm của khoản tiền vay). Tuy nhiên bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi theo mức lãi suất không vượt quá quy định. Việc bị đơn không trả lãi vay cho nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn chấm dứt hợp đồng và khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả lại toàn bộ số tiền vay 220.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn xác định không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An.

[4] Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.000.000 đồng, nguyên đơn phải chịu theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng chi phí nguyên đơn đã nộp tại Tòa án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, L phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 180, 227, 228, 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357, 428, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, L phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vân Phi H, bà Hồ Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn ông Trần Văn V.

Buộc ông Trần Văn V trả cho ông Vân Phi H, bà Hồ Thị N số tiền vay 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm : Ông Trần Văn V phải chịu 11.000.000 (mười một triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Vân Phi H và bà Hồ Thị N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000 (năm triệu năm trăm

nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006563 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.000.000 đồng, nguyên đơn phải chịu theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng chi phí nguyên đơn đã nộp tại Tòa án.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân